

Họ, tên thí sinh:

Mã đề thi 623

Số báo danh:

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong các câu sau.

Câu 1: 大_____市里兴起追求韩国明星的热潮。

- A. 城 B. 威 C. 城 D. 诚

Câu 2: Phiên âm đúng của từ 劳动 là: láo _____ ồng.

- A. s B. d C. t D. n

Câu 3: Phiên âm đúng của từ 首都 là: sh _____ dū.

- A. ěn B. ǚn C. ǒu D. uǐ

Câu 4: 你说的这件事我怎么不知道_____?

- A. 吧 B. 呢 C. 了 D. 吗

Câu 5: 我正做_____作业呢，你们先吃吧，别等我了。

- A. 了 B. 着 C. 的 D. 过

Câu 6: 昨天，我朋友送给我一_____新词典。

- A. 本 B. 把 C. 张 D. 条

Câu 7: 这里的名胜古迹没有南方_____多。

- A. 这样 B. 那么 C. 怎么 D. 怎样

Câu 8: 我看这件事让谁去办我都不放心，我_____亲自去一趟。

- A. 必要 B. 必须 C. 必需 D. 必然

Câu 9: _____平等互利、共同发展的原则，两国已经签署多项合作协议。

- A. 关于 B. 本着 C. 随着 D. 对于

Câu 10: 这部电影深深吸引了我，我_____主人公舍己救人的精神所感动。

- A. 给 B. 把 C. 为 D. 以

Câu 11: 现在面对这相亲相爱的一家人，他_____了。

- A. 被触动心中最柔弱的部分 B. 心中被触动最柔弱的部分
C. 柔弱的部分心中最被触动 D. 心中最柔弱的部分被触动

Câu 12: 现在我们开始学习第十九_____的生词。

- A. 课 B. 笔 C. 班 D. 书

Câu 13: 小花，我们明天晚上八点还在_____地方约会吧？

- A. 长 B. 老 C. 短 D. 旧

Câu 14: 你出了一身汗了，先洗个澡再去_____饭吧。

- A. 吃 B. 玩 C. 喝 D. 问

Câu 15: 父亲生前很_____晚辈，但是要求十分严格，也很讲究教育方法。

- A. 热爱 B. 疼爱 C. 相爱 D. 敬爱

Câu 16: 这是世界食品工业和食品研究机构一直探讨的_____。

- A. 主题 B. 题材 C. 标题 D. 题目

Câu 17: 大家都说，_____他没有太多的钱，_____他有一双勤劳的手。

- A. 如果……就…… B. 幸亏……否则……
C. 除了……还…… D. 尽管……但是……

Câu 18: 胡志明主席_____受到人民的尊敬和爱戴，_____他一生为祖国做出贡献。

- A. 一方面……一方面…… B. 虽然……但是……
C. 不但……而且…… D. 之所以……是因为……

Câu 19: 实习时, 我_____了解了生产操作, _____了解了工人的生活。

- A. 虽然……但是……
B. 既然……那么……
C. 只要……就……
D. 不但……还……

Câu 20: 学习正确使用语言对于_____非常重要。

- A. 提高我们精确度思想的表达
B. 精确度提高我们的思想表达
C. 提高我们表达思想的精确度
D. 我们表达思想精确度的提高

Câu 21: 小明出了国以后, _____没有给我们打过电话。

- A. 从未
B. 经常
C. 从来
D. 常常

Câu 22: 他把电热杯拿到了我的房间, 然后冲了_____的咖啡给我喝。

- A. 乎乎热
B. 乎乎热热
C. 热热乎乎
D. 热乎乎

Câu 23: 这房子质量不错, 价钱也可以接受, 我看你就买_____吧。

- A. 上来
B. 起来
C. 下来
D. 过来

Câu 24: 在特殊情况_____, 只有使用这种办法才能解决问题。

- A. 上
B. 下
C. 中
D. 里

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) giải thích cho từ/cụm từ được gạch chân trong các câu sau.

Câu 25: 在那个贫困的小山村, 不是什么病都能看的。

- A. 研究
B. 知道
C. 治疗
D. 了解

Câu 26: 有本事就来做一做, 别净在那儿说些不三不四的话。

- A. 没上没下
B. 没完没了
C. 不可理解
D. 不像样子

Câu 27: 台上的歌手唱得很认真, 台下的观众们看得也很投入。

- A. 操心
B. 热烈
C. 热心
D. 专心

Câu 28: 做人要开朗、大度, 不要总是为一点儿小事去伤脑筋。

- A. 损伤头部
B. 发脾气
C. 费心思
D. 昏头昏脑

Câu 29: 王先生, 您别说了, 我都明白了。

- A. 学习
B. 清楚
C. 高兴
D. 说话

Câu 30: 随着全球化进程的日益加深, 国家间的相互交往也就越来越频繁。

- A. 交际
B. 交换
C. 向往
D. 来往

Câu 31: 曾经有一阵子, 我们的关系十分密切, 可近两年来变得生疏多了。

- A. 秘密
B. 严密
C. 紧密
D. 细密

Câu 32: 阮师傅为人正派, 办事公道, 从未给发表不同意见的人穿小鞋。

- A. 背后讽刺别人
B. 背后嘲笑别人
C. 暗中调查别人
D. 暗中为难别人

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong bài đọc sau, từ câu 33 đến câu 42.

有人说, 温和的声调是化解争论的良药。在双方交谈 (33)_____, 不论听话的人多么努力克制, 他自己的声调还是随着说话人的声音的高低, 而成比例的起伏跌落。温和地提问, 得到的回答也是温和的, 高声地提问, 回答也一样。可以说, 温和的回答有利于消除愤怒, (34)_____, 友善的姿态也有利于避免争论。

有一 (35)_____寓言完全可以证明这一论点:

太阳和风争论谁更强而有力, 风说: “我来 (36)_____你证明我更行, 你看到那一个穿着大衣的老头吗? 我打赌我能比你更快地使他脱掉大衣。” (37)_____太阳躲到云后, 风就开始吹 (38)_____, 愈吹愈大, 愈吹愈急。但是风吹得愈急, 老人愈把大衣紧裹在身上。终于, 风平息下来, (39)_____了。这时太阳才从云后露面, 开始以它温暖的微笑照着老人。不久, 老人开始擦汗, 脱掉大衣。太阳还是笑着对风说: “温和与友善总是要比愤怒和暴力更强而有力。”

这个世界上最受 (40)_____的都是那些温和、友善的人, 俗语也说: “伸手不打笑脸人”, 你始终以友善、以仁慈对待他人, 对方无法挑起事端, 双方无法争吵。的确这样, 始终以友善的姿态待人, (41)_____温和的声调, 这 (42)_____是你良好教养的表现, 也使争论无法发生。

(丁远峙, 《方与圆》, 中国商业出版社, 2006年, 有删改)

- | | | | | |
|----------------|-------|-------|-------|-------|
| Câu 33: | A. 上 | B. 中 | C. 下 | D. 里 |
| Câu 34: | A. 一样 | B. 同样 | C. 类似 | D. 相似 |
| Câu 35: | A. 只 | B. 把 | C. 则 | D. 张 |
| Câu 36: | A. 使 | B. 让 | C. 给 | D. 跟 |
| Câu 37: | A. 从此 | B. 因此 | C. 于是 | D. 但是 |
| Câu 38: | A. 过来 | B. 出来 | C. 下来 | D. 起来 |
| Câu 39: | A. 丢弃 | B. 废弃 | C. 抛弃 | D. 放弃 |
| Câu 40: | A. 喜悦 | B. 欢喜 | C. 喜欢 | D. 欢迎 |
| Câu 41: | A. 维持 | B. 维护 | C. 保持 | D. 保护 |
| Câu 42: | A. 又 | B. 可 | C. 即 | D. 既 |

Chọn vị trí đúng (ứng với A hoặc B, C, D) của từ/cụm từ trong ngoặc để hoàn thành các câu sau.

Câu 43: 老师今天给A我们讲B的课文内容你C记D了吗? (住)

Câu 44: 周末很多人到A小区中间B环境幽静的C空气新鲜的D大花园散步。 (供人们休息的)

Câu 45: 我爸爸A上星期B给我C买了D一双日本运动鞋。 (在百货大楼)

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) theo nội dung bài đọc, từ câu 46 đến câu 50.

有位小伙子自己一直找不到工作，后来在朋友的帮助下，他来到一家汽车公司卖汽车。

不爱说话的他，一开始很不顺利，谈了好几位顾客，买卖都没有成功，就这样他变得怕见陌生人了。后来的一次次失败，使他忍受不下去了。于是他决定离开这里，到农村住几天，回来后再向经理辞职，找新的工作。

回到农村，他每天都在路上散步。有一次，他看见几个小孩子在玩儿一只青蛙，他们把杯子里的温水慢慢倒在青蛙的头上。这些孩子对青蛙很不友好，但让人吃惊的是，那只青蛙并没有躲开，而是抬起头，闭上眼睛，显出非常舒服的样子。他那时候明白了，原来青蛙是冷血动物，当热水洒在身上时，就像人在洗热水澡一样。他想到了自己的工作。有些顾客不友好的态度，不正像小孩子们洒下的热水吗？把它看做坏事是一种心情，把它看做洗热水澡就会是另一种心情，心情是由自己内心产生的，好与坏就看自己怎么想了。

从农村回来后，他决定每天必须联系100位顾客。后来他发现抽烟也是浪费时间，于是烟也不抽了，所有的时间都用来研究汽车、研究顾客。这个小伙子终于成功了。他成为本国第一位卖出一万辆汽车的人，被人们称为“汽车销售大王”。

(李禄兴，《HSK应试训练（初、中等）》，北京语言大学出版社，2008年，有删改)

Câu 46: 这个小伙子是怎么找到工作的？

- | | |
|----------|----------|
| A. 公司聘请的 | B. 顾客介绍的 |
| C. 自己找到的 | D. 朋友介绍的 |

Câu 47: 一次次失败以后，他决定：

- | | |
|-----------|-----------|
| A. 向经理辞职 | B. 再找新工作 |
| C. 暂时回到农村 | D. 重建这家公司 |

Câu 48: 孩子们往青蛙头上倒温水是为了：

- | | | | |
|-------|-----------|-----------|-------|
| A. 消暑 | B. 让它抬起头来 | C. 让它闭上眼睛 | D. 玩耍 |
|-------|-----------|-----------|-------|

Câu 49: 小伙子看见小孩子戏弄青蛙时想到了什么？

- | | |
|------------|------------|
| A. 花时间研究汽车 | B. 当汽车销售大王 |
| C. 换一种心情做事 | D. 花时间联系顾客 |

Câu 50: 根据上文，下面哪一项正确？

- | | |
|-----------------|-----------------|
| A. 抽烟使人在工作中取得成功 | B. 戒烟后就没时间研究汽车 |
| C. 心情能决定一个人的成功 | D. 心情的好坏由周围的人决定 |

----- HẾT -----